

Thiền sư Nhất Hạnh và phong trào “Phật giáo dẫn thân” trong chiến tranh Việt Nam (P. 2)

ISSN: 2734-9195 13:10 05/10/2025

“Phật giáo Dẫn thân” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh không chỉ dựa trên lý thuyết hay nghiên cứu Phật học, mà còn dựa trên những cuộc gặp gỡ trực tiếp với những nỗi khổ niềm đau - cá nhân, xã hội và toàn cầu.

Bài viết trước, tôi đã khám phá nền tảng “Phật giáo Dẫn thân” (Engaged Buddhism) của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Bài viết này, tiếp tục theo dõi cách thức mà quá trình thực tập chính niệm, lao động và sử dụng các bài Thi kệ thực tập chính niệm của Ngài trong chốn thiền môn, nơi thanh tịnh, thuần khiết, nơi lan tỏa những giá trị nhân văn của đạo Phật, đó là tứ đức từ - bi - hỷ - xả, cứu độ chúng sinh, thời kỳ đầu đã đặt nền tảng cho nền tâm linh gắn kết sâu sắc với hành động xã hội.

Bài viết cũng xem xét những nỗ lực của Ngài trong việc canh tân Phật giáo Việt Nam và phản ánh của Ngài trước những nỗi khổ niềm đau to lớn Chiến tranh Việt Nam hay Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai là cuộc xung đột diễn ra tại Việt Nam, Lào và Campuchia từ ngày 01/11/1955 đến ngày 30/04/1975. Những trải nghiệm này định hình nên con đường tâm linh táo bạo, dẫn thân vào xã hội, thách thức những kỳ vọng truyền thống về đời sống tu hành, được phát triển trực tiếp từ nỗi đau khổ mà Ngài chứng kiến và chịu đựng.

Trong phần tiếp theo này, chúng ta sẽ xem xét cách những trải nghiệm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh tiếp tục định hình tầm nhìn về nền Phật giáo tích cực tham gia vào thực tế của thế giới.

Chúng ta bắt đầu bằng cách xem xét những trở ngại mà Ngài phải đối mặt từ các nhóm Phật tử bảo thủ.

Những trở ngại trong quá trình canh tân Phật giáo tại Việt Nam

Cách tiếp cận Phật giáo hướng về mặt xã hội của Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã thách thức nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo theo truyền thống, những người tin rằng các nhà sư nên tránh tham gia vào các hoạt động xã hội và chính trị. Kết quả, Ngài đã phải đối mặt với nhiều trở ngại khiến cho những nỗ lực canh tân Phật giáo Việt Nam trở nên đặc biệt khó khăn.

Một thất bại như vậy đã xảy ra vào năm 1956, khi danh hiệu của Ngài bị xóa khỏi hồ sơ tại Chùa Ấn Quang, là nơi đặt trụ sở của Phật học đường Nam Việt, Giáo hội Tăng già Nam Việt (1959-1963), cơ sở chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và văn phòng Viện Hóa Đạo và Viện Tăng Thống (1976-1980), nơi Ngài đã sống và giảng dạy trong sáu năm. Hành động này thực sự đã trục xuất Ngài khỏi cộng đồng tăng già. (Chapman 2007). Nhìn lại những hành động như thế này chống lại mình, Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhận xét: *“Nó vẫn còn quá cấp tiến đối với phần lớn các vị trưởng lão trong cộng đồng Phật giáo. Họ bác bỏ nhiều ý tưởng của chúng tôi và bắt đầu im lặng tiếng nói của chúng tôi.”* (KYTE n.d.) Điều này làm nổi bật sự phản kháng ngày càng tăng đối với các ý tưởng của Ngài trong số các trưởng lão bảo thủ.

Một thất bại đáng quan tâm khác xảy ra vào năm 1958, khi tạp chí Phật giáo Việt Nam số ra hàng tháng, do Tổng hội Phật giáo Việt Nam xuất bản, đặt tại chùa Ấn Quang. Đại lão Hòa thượng Thích Huệ Quang (1888-1956) chủ nhiệm, Thiền sư Thích Nhất Hạnh chủ bút. Báo tồn tại 4 năm 1956-1959, ra được 28 số, đánh số liên tục từ 1 đến 28, có 4 số đôi 5&6, 9&10, 17&18, 20&21, 25&26. Khổ báo 16×24 cm, mỗi số trung bình 50 trang, số đôi 100 trang, bị đình chỉ sau khi Thiền sư Thích Nhất Hạnh xuất bản các bài viết quảng bá cho một tầm nhìn nhân văn và thống nhất cho truyền thống. Sau đó, Ngài đã suy ngẫm về trải nghiệm này, nói rằng, *“Các nhà lãnh đạo Phật giáo không chấp thuận các bài viết của tôi.”* (Thích Nhất Hạnh 2000, Làng Mai không ghi ngày-b). Những lời của Ngài cho thấy một cảm giác thất vọng sâu sắc, vì những nỗ lực của Ngài nhằm chuyển đổi tiến trình của Phật giáo Việt Nam đã liên tục bị những người có thẩm quyền ngăn cản.



Từ những nhận xét của nhà hoạt động Phật giáo và nhà văn Việt Nam, Cư sĩ Văn Minh Phạm, người đã làm việc chặt chẽ với Thiền sư Thích Nhất Hạnh trong thời gian đó, chúng ta có thêm hiểu biết sâu sắc về sự căng thẳng mà Ngài phải đối mặt: *“Thiền sư Thích Nhất Hạnh luôn là người đi theo con đường độc lập của mình với tinh thần tự do phóng khoáng cởi mở, không bảo thủ rập khuôn. Ngài là người không bảo thủ và là một nhân vật đơn độc giữa những người cùng thời với mình. . . . Về tầm nhìn về một nền Phật giáo hiện đại và dẫn thân, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã đi trước nhiều năm ánh sáng so với các thành viên khác của Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam thời đó, và chẳng có gì ngạc nhiên khi nhiều nhà sư không thoải mái với sức hút của Ngài. Đôi khi Ngài phàn nàn về những người lớn tuổi có tư duy bảo thủ trong các chốn Thiền môn Phật giáo Việt Nam.”* (Phạm 2001)

Mặc dù cam kết sâu sắc trong việc áp dụng các lý tưởng Phật giáo vào cuộc sống của người dân, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã đạt đến điểm tuyệt vọng sâu sắc khi đối mặt với những thất bại dai dẳng: *“Chúng tôi cảm thấy lạc lõng. Cơ hội để chúng tôi tác động đến hướng đi của Phật giáo đã vượt mất. Hệ thống phân cấp quá bảo thủ. Chúng tôi - những người trẻ không có vị trí hay trung tâm của riêng mình - có cơ hội nào để hiện thực hóa ước mơ của mình? Tôi đã trở nên ốm yếu đến mức gần như chết... Cảm giác như đã đến hồi kết.”* (Thích Nhất Hạnh 2000)

Khoảnh khắc tuyệt vọng này cho thấy Thiền sư Thích Nhất Hạnh và những người đồng hành của Ngài đã phải đối mặt với nhiều nguy cơ đến thế nào. Làm trầm trọng thêm những thách thức này là Chiến tranh Việt Nam (1955-1975). Cuộc chiến không những gây ra biến động chính trị và xã, mà còn phức tạp

thêm những nỗ lực cải cách và hiện đại hóa Phật giáo Việt Nam.

Bên cạnh những khó khăn phải đối mặt, những thách thức của thập niên 1950 đã làm sâu sắc thêm quá trình thực hành cá nhân của Thiền sư Thích Nhất Hạnh và mang lại cho Ngài sức mạnh tinh thần để tiến về phía trước. (Làng Mai không ghi ngày-b). Những trở ngại này đã giúp định hình nên những lời giảng dạy và thực hành tận tụy của Ngài, xuất phát từ nỗi đau thực sự Ngài đã trải qua. Điều này đã mang lại cho thông điệp của Ngài chiều sâu và độ tin cậy độc đáo.

Ảnh hưởng của những trải nghiệm ở hải ngoại

Những thách thức sâu sắc mang tính cá nhân này ở trong nước đã sớm được bổ sung bởi những góc nhìn mới ở nước ngoài. Vào đầu những năm 1960, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã đến Hoa Kỳ để học tôn giáo so sánh tại Đại học Princeton. Sau khi hoàn thành việc học, Ngài tiếp tục giảng dạy Phật học tại Đại học Columbia. (Kyte n.d., Plum Village n.d.-a, Thích Nhất Hạnh 2017).

Vào tháng 10 năm 1962, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã tham dự buổi tuyên dương Diệu pháp Như Lai tại một ngôi chùa Tịnh Độ của Nhật Bản ở New York, Hoa Kỳ. Những suy ngẫm của Ngài về trải nghiệm dưới đây cho thấy những loại giáo lý Phật giáo mà Ngài cảm thấy sẽ phù hợp hơn với khán giả phương Tây: *“Tôi phải thừa nhận rằng bài giảng này không truyền cảm hứng cho lắm. Những bài giảng như thế khó có thể hiệu quả trong việc gieo mầm Phật pháp ở Mỹ. Tịnh Độ tông là tông phái nhấn mạnh tinh thần tha lực, tức nương tựa vào hạnh nguyện độ sinh của Đức Phật A Di Đà để được vãng sinh về quốc độ của Ngài. Cách tiếp cận này quen thuộc với người châu Âu và người Mỹ, những người có rất nhiều Chứng viện Thần học và các Linh mục, và Mục sư hùng biện để truyền bá đức tin cứu rỗi, giải cứu khỏi sự câu thúc của tội lỗi và sự đoán phạt để có thể nhận lãnh sự sống đời đời của Thiên Chúa. Những nỗ lực của phái Tịnh Độ để trông giống như các nhà thờ phương Tây đối với tôi có vẻ phản ánh sự giới hạn hiểu biết của họ về nhu cầu thực sự của người Mỹ. Người Mỹ coi trọng sự độc lập. Con cái của họ được khuyến khích tự lập và tự lực cánh sinh.*

Một cách tiếp cận của Phật giáo nhấn mạnh vào nỗ lực bản thân và sự tự giác ngộ, như Thiền tông, để xây dựng, phát triển và đánh thức cá nhân, có vẻ phù hợp hơn với tinh thần của người Mỹ. Kitô giáo và Phật giáo Tịnh độ có vẻ như cho rằng con người quá yếu đuối để đạt được sự cứu rỗi mà không có sự can thiệp của thần thánh. . . . Những người sống trong một xã hội điên cuồng, kiệt sức vì những kế hoạch và suy nghĩ vô tận, khao khát sự thanh thản và tự mãn mà một con đường như Thiền tông mang lại.” (Thích Nhất Hạnh 2000)

Điều này cho thấy, nhận thức sâu sắc của Thiền sư Thích Nhất Hạnh về những khác biệt văn hóa và tôn giáo. Ngài tin rằng người dân phương Tây rất cần mô thức Phật giáo tập trung vào nỗ lực cá nhân, củng cố niềm tin, tự chủ và tự giác ngộ. Ngài thấy Thiền tông, với trọng tâm là sự phát triển nội tâm, phù hợp hơn với tinh thần của người Mỹ. Sự hiểu biết này đã đóng vai trò quan trọng trong c định hình cách tiếp cận của Ngài đối với Phật giáo dẫn thân khi phát triển ở Pháp.

Trong khi Thiền sư Thích Nhất Hạnh đang suy ngẫm về cách Phật giáo có thể thích nghi ở phương Tây, tình hình ở Việt Nam đang nhanh chóng xấu đi. Căng thẳng chính trị và tôn giáo gia tăng sớm đưa Ngài trở về quê hương, nơi một sự kiện vô cùng quan trọng sẽ định hình quan điểm của Ngài về vai trò của Phật giáo trong xã hội...

Quan điểm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh về tự thiêu

Quay trở lại Sài Gòn, vào ngày 11 tháng 06 năm 1963 (20/04/Quý Mão), Trưởng lão Hoà thượng Thích Quảng Đức đã vị Pháp thiêu thân để phản đối chính sách ngày càng phân biệt đối xử với Phật giáo do Ngô Đình Diệm, khi đó là Tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa, đã tiến hành có hệ thống và toàn diện hàng loạt chính sách kỳ thị Phật giáo. Khi các cuộc biểu tình tiếp tục gia tăng, tình hình leo thang. Để đáp lại chính quyền đàn áp của Chính quyền Ngô Đình Diệm, một cuộc đảo chính do Hoa Kỳ hậu thuẫn đã được các tướng lĩnh cấp cao ở Nam Việt Nam tiến hành, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm vào tháng 11 năm 1963. (King 1996)

Theo yêu cầu của Thiền sư Thích Trí Quang, một nhà lãnh đạo Phật giáo nổi tiếng vào thời điểm đó, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã trở về Việt Nam vào tháng 12 năm 1963 để giúp giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị. (Chapman 2007, Hunt-Perry & Fine 2000, King 1996). Sau thời gian đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (viết tắt là GHPGVNTN), thành lập vào ngày 04 tháng 01 năm 1964 (20-11-năm Quý Mão), là một trong những tổ chức Phật giáo tại Việt Nam, với mục đích Tổ chức đặt sự tồn tại của mình trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc. Quan niệm thống nhất Phật giáo Việt Nam để thực hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của hai tông phái cũng như của hai giới Tăng sĩ và Cư sĩ phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo. Chính đó là sắc thái đặc biệt của nền Phật giáo thống nhất tại Việt Nam, dung hợp cả truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa hòa nhập vào lòng dân tộc Việt một cách hài hoà, sống động. (Jorgensen 2000, King 1996)

Các vụ tự thiêu thân của các nhà sư, nữ tu và cư sĩ vẫn tiếp diễn trong những năm chiến tranh. Mặc dù những hành động như vậy có vẻ cực đoan, nhưng trong một lá thư Thiền sư Thích Nhất Hạnh gửi cho Mục sư Martin Luther King Jr., đã nhấn mạnh rằng đó không phải là tự tử hay phản đối. Thay vào đó, chúng được thực hiện với mục đích đánh thức thế giới. (Thích Nhất Hạnh 1967) Ngài nói: *“Không nên coi đó là hành động bạo lực. Đây là biểu hiện của sự bất lực của cá nhân trong việc chịu đựng những nỗi khổ niềm đau của người dân và là nỗ lực mạnh mẽ của cá nhân đó để chạm đến tâm hồn của người khác. Bằng cách thể hiện theo cách này nỗi đau của chiến tranh, người tự thiêu hy vọng rằng những người ủng hộ hoặc duy trì chiến tranh cũng sẽ không thể chịu đựng được nỗi đau của chiến tranh và chấm dứt các hành động cho phép nó tiếp diễn.”* (King 1996)

Trong khi những hành động tự thiêu này xuất phát từ lòng từ bi sâu sắc, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nói rõ rằng chúng không thể được đánh giá đơn giản bằng tốt hay xấu. Ngài giải thích: *“Chúng tôi không có ý nói rằng tự thiêu là tốt hay xấu. Nó không tốt cũng không xấu. Khi các bạn nói điều gì đó là tốt, bạn nói rằng bạn nên làm điều đó. Nhưng không ai có thể thúc giục người khác làm điều đó. Vì thế, một cuộc thảo luận như thế không được theo đuổi để quyết định liệu tự thiêu có phải là một chiến thuật tốt trong cuộc đấu tranh bất bạo động hay không. Nó tách biệt khỏi tất cả những điều đó. Nó được thực hiện để đánh thức chúng ta.”* (King 1996)

Quan điểm này phù hợp với những gì chúng ta đã thảo luận trong bài viết trước của tôi, **“Chính niệm Phật giáo so với chính niệm thế tục, Phần 2”**, trong đó chúng ta đã xem xét cách hành vi đạo đức Phật giáo không được xác định bởi các quy tắc cố định của xã hội về đúng và sai. Thay vào đó, phát sinh từ sự phân biệt chính niệm về cách giúp đỡ trong một tình huống nhất định. Do đó, một hành động như thế này không thể được đánh giá đơn giản là đạo đức hay vô đạo đức, tốt hay xấu.

Vượt ra ngoài những phạm trù như thế, đây là một hành động vô ngã xuất hiện một cách chân thực để đáp lại một hoàn cảnh cụ thể. Thiền sư Thích Nhất Hạnh mời chúng ta vượt qua lối tư duy nhị phân và nhìn nhận hành động này như chính nó: một lời kêu gọi thức tỉnh, dựa trên từ bi tâm và ý định làm dịu mát đi những nỗi khổ niềm đau.

Kết luận

“Phật giáo Dẫn thân” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh được hình thành từ những đấu tranh cá nhân của Ngài để canh tân Phật giáo Việt Nam và bối cảnh đầy

biến động của Việt Nam thời chiến. Bất chấp sự phản kháng mạnh mẽ từ các nhà lãnh đạo Phật giáo bảo thủ và bạo lực leo thang của chiến tranh, tầm nhìn của Ngài về Phật giáo như một lực lượng tích cực cho sự thay đổi xã hội vẫn tồn tại. Những thách thức này không làm giảm quyết tâm của Ngài; thay vào đó, chúng làm sâu sắc thêm việc thực hành cá nhân của Ngài và củng cố tầm nhìn của Ngài.

Những trải nghiệm của Thiền sư Thích Nhất Hạnh ở Hoa Kỳ đã mở rộng góc nhìn của Ngài về cách triết lý đạo Phật có thể cộng hưởng với khán giả phương Tây. Trong những suy ngẫm của mình về tự thiêu và hành động bất bạo động, Ngài nhấn mạnh từ bi tâm và sự thức tỉnh hơn là phán đoán đạo đức.

“Phật giáo Dẫn thân” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh không chỉ dựa trên lý thuyết hay nghiên cứu Phật học, mà còn dựa trên những cuộc gặp gỡ trực tiếp với những nỗi khổ niềm đau - cá nhân, xã hội và toàn cầu. Đây là lý do tại sao cách tiếp cận của Ngài lại có cảm giác thực tế và dễ liên hệ sâu sắc như thế.

Trong bài viết tiếp theo, chúng ta sẽ khám phá cách “Phật giáo Dẫn thân” của Thiền sư Thích Nhất Hạnh tiếp tục phát triển trong chiến tranh.

Tài liệu tham khảo:

[1] Chapman, John. 2007. “The 2005 pilgrimage and return to Vietnam of exiled Zen Master Thích Nhất Hạnh.” In P. Taylor (Ed.), *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam* (pp. 297–341). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.

[2] Hunt-Perry, Patricia., & Fine, Lyn. 2000. “All Buddhism is engaged: Thích Nhất Hạnh and the Order of Interbeing.” In C. S. Queen (Ed.), *Engaged Buddhism in the West* (pp. 35–66). Boston: Wisdom Publications.

[3] Jorgensen, John. 2000. “Chan/Zen: Vietnam.” In W. M. Johnston (Ed.), *Encyclopedia of Monasticism*. Chicago and London: Fitzroy Dearborn Publishers.

[4] Kyte, Lindsay. n.d. The life of Thích Nhất Hạnh. Retrieved from <https://www.lionsroar.com/the-life-of-thich-nhat-hanh/amp/>

[5] King, Sallie B. 1996. “Thích Nhất Hạnh and the Unified Buddhist Church: Nondualism in action.” In C. S. Queen (Ed.), *Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movements in Asia* (pp. 321–63). Albany: State University of New York Press.

- [6] Phạm, Văn Minh. 2001. Socio-political Philosophy of Vietnamese Buddhism: A Case Study of the Buddhist Movement of 1963 and 1966. (Master's thesis). University of Western Sydney, Australia.
- [7] Plum Village. n.d.-a. The life story of Thích Nhất Hạnh. Retrieved from <https://plumvillage.org/about/thich-nhat-hanh/biography/>
- [8] Plum Village. n.d.-b. Thích Nhất Hạnh: Extended biography. Retrieved from <https://plumvillage.org/about/thich-nhat-hanh/biography/thich-nhat-hanh-full-biography>
- [9] Thích Nhất Hạnh. 1967. Vietnam: Lotus in a Sea of Fire. New York: Hill and Wang.
- [10] Thích Nhất Hạnh. 2000. Fragrant Palm Leaves: Journals 1962–1966. London: Rider.
- [11] Thích Nhất Hạnh. 2017. The Other Shore: A New Translation of the Heart Sutra with Commentaries. Berkeley, California: Palm Leave Press.

Tác giả: 釋 (LAM Yuen Ching)/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: buddhistdoor.net